

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 35

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét.

**TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (Sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), được thành lập theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 10/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/6/2011, thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 19/8/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 19/8/2020: 550.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch: VVN.

Tên nước ngoài: Vietnam Industrial Construction Corporation. Tên viết tắt: VINAINCON.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Vinaincon, Số 5 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Thế Hiến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Thế Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/6/2021
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Thành viên	
Bà Trần Thị Minh	Thành viên	

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Chí Nguyễn	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đăng Tính	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Văn phòng Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 của Văn phòng Tổng Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



**Đỗ Chí Nguyễn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2021



Số: 238/2021/BCSX-CPA VIETNAM - NV3

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam, được lập ngày 30/9/2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, Báo cáo soát xét ngày 28/8/2020 với kết luận chấp nhận toàn phần. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Văn phòng Tổng Công ty được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác, Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 08/4/2021 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Bùi Thị Thúy**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2021



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>641.775.738.295</b>	<b>608.214.167.809</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>76.420.263.532</b>	<b>19.053.719.359</b>
1. Tiền	111		76.420.263.532	19.053.719.359
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>478.071.132.047</b>	<b>552.323.653.327</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	75.295.412.493	166.396.457.908
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	30.946.116.226	47.614.300.059
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.4	54.104.565.046	31.182.009.519
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	375.364.780.337	355.512.888.057
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(57.639.742.055)	(48.382.002.216)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>84.254.511.342</b>	<b>35.596.838.716</b>
1. Hàng tồn kho	141		84.254.511.342	35.596.838.716
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.029.831.374</b>	<b>1.239.956.407</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.085.877.244	337.187.186
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	943.954.130	902.769.221
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>358.363.580.322</b>	<b>358.600.004.449</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>16.963.357.208</b>	<b>16.963.357.208</b>
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	5.4	16.963.357.208	16.963.357.208
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.452.574.312</b>	<b>5.638.409.167</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	5.452.574.312	5.638.409.167
<i>Nguyên giá</i>	222		31.042.531.741	31.385.027.920
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(25.589.957.429)	(25.746.618.753)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		730.720.000	730.720.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(730.720.000)	(730.720.000)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>322.288.470.311</b>	<b>322.288.470.311</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		473.305.672.855	473.305.672.855
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.263.592.152	54.263.592.152
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.883.043.675	28.883.043.675
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(234.163.838.371)	(234.163.838.371)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.659.178.491</b>	<b>13.709.767.763</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	13.659.178.491	13.709.767.763
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>1.000.139.318.617</b>	<b>966.814.172.258</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>242.730.294.501</b>	<b>221.488.206.232</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>242.682.294.501</b>	<b>221.440.206.232</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	63.269.381.556	126.610.015.127
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	17.743.730.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	-	-
4. Phải trả người lao động	314		7.679.875.108	6.490.792.323
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	110.984.960.086	25.746.201.889
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	5.16	2.928.889.436	21.314.185.232
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	29.236.497.408	29.044.100.754
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.838.960.907	12.234.910.907
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>48.000.000</b>	<b>48.000.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	48.000.000	48.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>757.409.024.116</b>	<b>745.325.966.026</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>757.409.024.116</b>	<b>745.325.966.026</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550.000.000.000	550.000.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		207.409.024.116	195.325.966.026
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		195.325.966.026	182.305.184.929
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.083.058.090	13.020.781.097
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>1.000.139.318.617</b>	<b>966.814.172.258</b>

Người lập biểu



Trần Ngọc Tâm

Trưởng ban Tài chính Kế toán



Đặng Quang Cường

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đỗ Chí Nguyễn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/6/2021	tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	256.831.846.550	24.490.752.667
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>256.831.846.550</b>	<b>24.490.752.667</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	243.387.776.520	23.271.246.818
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>13.444.070.030</b>	<b>1.219.505.849</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	22.728.223.320	19.126.509.233
7. Chi phí tài chính	22	6.4	-	26.701.644
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	26.701.644
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	24.420.207.986	11.952.710.917
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)</b>	<b>30</b>		<b>11.752.085.364</b>	<b>8.366.602.521</b>
11. Thu nhập khác	31		332.372.726	51.610.000
12. Chi phí khác	32		1.400.000	30.531.178
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>330.972.726</b>	<b>21.078.822</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>12.083.058.090</b>	<b>8.387.681.343</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>12.083.058.090</b>	<b>8.387.681.343</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu

Trưởng ban Tài chính Kế toán

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Tâm



Đặng Quang Cường



Đỗ Chí Nguyễn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
		tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.083.058.090	8.387.681.343
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	1.106.381.673	1.290.272.687
- Các khoản dự phòng	03	9.257.739.839	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.913.459.683)	(19.175.619.233)
- Chi phí lãi vay	06	-	26.701.644
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước</b>	<b>08</b>	<b>(466.280.081)</b>	<b>(9.470.963.559)</b>
<b>thay đổi vốn lưu động</b>			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	82.783.720.883	19.389.748.146
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(48.657.672.626)	7.231.507.704
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	23.503.038.269	(10.949.639.193)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	50.589.272	3.269.834
- Tiền lãi vay đã trả	14	(318.000)	(26.701.644)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	271.425.716	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.395.950.000)	(953.180.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>56.088.553.433</b>	<b>5.224.041.288</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & TSDH khác	21	(865.000.000)	(1.289.224.309)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác	22	202.000.000	49.110.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.940.990.740	3.668.177.900
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.277.990.740</b>	<b>2.428.063.591</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	1.470.000.000
4. Chi trả nợ gốc vay	34	-	(7.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(5.530.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>57.366.544.173</b>	<b>2.122.104.879</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>19.053.719.359</b>	<b>1.331.587.978</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>76.420.263.532</b>	<b>3.453.692.857</b>

Người lập biểu

Trần Ngọc Tâm

Trưởng ban Tài chính Kế toán

Đặng Quang Cường

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2021

Tổng Giám đốc

Đỗ Chí Nguyễn





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), được thành lập theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 10/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/06/2011, thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 19/8/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy (07) ngày 19/8/2020: 550.000.000.000 đồng (Bằng chữ: *Năm trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã chứng khoán: VVN.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021: 133 người (Tại ngày 31/12/2020: 128 người).

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng nhà các loại; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng thạch cao; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Xây dựng công trình công ích; Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp./.

Hoạt động chính của Văn phòng Tổng Công ty trong kỳ là: Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

#### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Tổng Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường theo thời gian thi công của các công trình/dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021 gồm:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tình trạng</b>
Văn phòng Tổng Công ty	Tòa nhà Vinaincon, Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Đang hoạt động
Trung tâm Xuất nhập khẩu và Dịch vụ vật tư kỹ thuật - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Tòa nhà Vinaincon, Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Tạm ngừng hoạt động
Chi nhánh Miền Nam - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 22 Lý Tự Trọng - Bến Nghé - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh	Đang hoạt động
Chi nhánh Campuchia - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	10EF6, st. 206 + 211, Sangkat Vealvong, Khan 7makara, Phnomphenh, Cambodia	Đang hoạt động
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng vật tư thiết bị - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Tòa nhà Vinaincon, Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	Đang hoạt động
Chi nhánh Myanmar - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 01 Tòa nhà số 23, Shwe Ohn Pin Housing 2, đường Yan Shin, thị xã Yan Kin, Yagon, Myanmar	Đang hoạt động

Tại ngày 30/6/2021, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết sau:

<b>TT</b>	<b>Công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
1	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 2	Số 81 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 4	Tổ 5, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	100%	100%
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang	100%	100%
5	Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	100%	100%
6	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	Km11, Quốc lộ 32, Từ Liêm, Hà Nội	52,15%	52,15%
7	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	Km 5 Khu Lâm Sản, phường Sờ Dầu, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	71,42%	71,42%
8	Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	No 356A đường Hà Nội, phường Phước Long A, quận 9, TP. HCM	51,00%	51,00%
9	Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	Số 156 Xã Đàn 2, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	51,00%	51,00%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	Lầu 06, số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%
11	Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	51,00%	51,00%
12	Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	50,69%	50,69%
13	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

TT	Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	27,37%	27,37%
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	Số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, TP. Hà Nội	36,00%	36,00%
3	Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	Quang Sơn, Đông Hỷ, Thái Nguyên	25,00%	25,00%
4	Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	Vũ Phạm Hàm; Cầu Giấy, Hà Nội	41,18%	41,18%
5	Công ty CP Bê tông ly tâm Vianincon	Thôn Tháp Phan, Đồng Lạc, Nam Sách, Hải Dương	20,00%	20,00%
6	Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	Số 5 phố Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	27,99%	27,99%
7	Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon (E & C)	Số 5 phố Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	20,70%	20,70%
8	Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	Tầng 15 tòa nhà TTC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	23,11%	23,11%

Thông tin chi tiết về các Công ty con, Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 5.10 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Văn phòng Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ là Báo cáo tài chính của Bộ phận Văn phòng Tổng Công ty, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc khác và các Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam. Người sử dụng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

**Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết:** Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động; các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (kỳ) của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư. Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Tổng Công ty bao gồm: phần mềm kế toán, phần mềm quản lý trang web, phần mềm mạng LAN, phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho, phần mềm văn phòng điện tử BKAV. Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Văn phòng Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định vô hình được xác định trên cơ sở phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, bao gồm:

	Số năm
Phần mềm kế toán	02
Phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho	02
Phần mềm quản lý trang Web	03
Phần mềm mạng LAN	03
Phần mềm văn phòng điện tử	03

#### Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị quyền sử dụng đất phải nộp theo phương án cổ phần hoá Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty, được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ 2 đến 3 năm tài chính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)**

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các Chi nhánh là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận khoản nợ vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác; không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Tất cả các chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước theo hợp đồng vay;
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu, thầu phụ: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành. Văn phòng Tổng Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong năm nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán (hoặc tại ngày kết thúc năm tài chính).

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Văn phòng Tổng Công ty bao gồm: Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định và dự phòng bảo hành công trình xây lắp, được tính theo tỷ % giá trị công trình được quy định tại từng hợp đồng thi công xây lắp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí từ hoạt động xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng. Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- (ii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Văn phòng Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản phẩm xây lắp, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp):** Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập hiện hành đang áp dụng là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Văn phòng Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Văn phòng Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp là chủ yếu và hoạt động theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	445.056.969	312.108.919
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.975.206.563	18.741.610.440
<b>Tổng</b>	<b>76.420.263.532</b>	<b>19.053.719.359</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên - TISCO	27.191.055.200	27.191.055.200
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí VN - Ban QLDA	8.469.696.611	48.776.665.602
Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	21.976.020.000	71.947.867.683
Các đối tượng khác có giá trị dưới 10% dư nợ	17.658.640.682	18.480.869.423
<b>Tổng</b>	<b>75.295.412.493</b>	<b>166.396.457.908</b>
<i>Trong đó phải thu bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>362.971.270</i>	<i>362.971.270</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.3 Trả trước cho người bán**

	<u>30/6/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Công ty CP Kết cấu Thép xây dựng - COMESS	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty TNHH Thiết bị điện Lioa	-	8.378.204.773
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	4.712.579.331	4.712.579.331
Công ty CP Tư vấn thiết bị và Dịch vụ kỹ thuật	-	3.196.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đông Anh	3.022.433.220	3.022.433.220
Các đối tượng khác có giá trị dưới 10% dư nợ	14.725.485.864	19.819.464.924
<b>Tổng</b>	<b><u>30.946.116.226</u></b>	<b><u>47.614.300.059</u></b>
<i>Trong đó trả trước cho bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>4.714.046.331</i>	<i>13.812.529.092</i>

**5.4 Phải thu nội bộ ngắn hạn và Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc**

	<u>30/6/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
<b>a) Phải thu nội bộ ngắn hạn</b>	<b>54.104.565.046</b>	<b>31.182.009.519</b>
Trung tâm XNK Vật tư kỹ thuật	858.837.622	858.837.622
Chi nhánh Miền Nam	42.597.610.375	19.675.054.848
Chi nhánh Myanmar	1.264.481.361	1.264.481.361
Chi nhánh Xây lắp và cung ứng Vật tư thiết bị	9.383.635.688	9.383.635.688
<b>b) Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</b>	<b>16.963.357.208</b>	<b>16.963.357.208</b>
Trung tâm Xuất nhập khẩu Vật tư kỹ thuật	13.376.741.530	13.376.741.530
Chi nhánh Miền Nam	1.586.615.678	1.586.615.678
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư thiết bị	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b><u>71.067.922.254</u></b>	<b><u>48.145.366.727</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.5 Phải thu khác**

	30/6/2020 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	446.581.797	-	401.523.716	-
Phải thu khác	374.918.198.540	-	355.111.364.341	-
<i>Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn</i>	319.443.713.417	-	319.059.494.202	-
<i>Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hóa chất</i>	13.844.892.847	-	13.844.892.847	-
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất</i>	6.312.659.850	-	6.276.760.866	-
<i>Các đối tượng khác</i>	35.316.932.426	-	15.930.216.426	-
<b>Tổng</b>	<b>375.364.780.337</b>	<b>-</b>	<b>355.512.888.057</b>	<b>-</b>
<i>Phải thu với Bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh 7.1</i>	373.869.765.324	-	353.903.091.056	-

**5.6 Dự phòng phải thu khó đòi**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	61.882.550.960	4.242.808.905	61.882.550.960	13.500.548.744

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP gang thép Thái Nguyên - TISCO	27.191.055.200	27.191.055.200	27.191.055.200	27.191.055.200
Công ty CP Xây dựng 203	4.102.173.574	4.102.173.574	4.102.173.574	4.102.173.574
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đông Anh	3.022.433.220	3.022.433.220	3.022.433.220	3.022.433.220
Công ty TNHH Lavimont VN	2.778.463.119	2.778.463.119	2.778.463.119	2.778.463.119
Công ty CP XD và TM LEPRO Việt Nam	2.250.182.909	2.250.182.909	2.250.182.909	2.250.182.909
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	4.712.579.331	4.712.579.331	-	-
Công ty CP kết cấu Thép xây dựng - COMESS	8.485.617.811	4.242.808.906	-	-
Các đối tượng khác	9.340.045.796	9.340.045.797	22.538.242.938	9.037.694.194
<b>Tổng</b>	<b>61.882.550.960</b>	<b>57.639.742.055</b>	<b>61.882.550.960</b>	<b>48.382.002.216</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	68.904.748.564	-	23.988.810.181	-
Công cụ, dụng cụ	151.268.000	-	151.268.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	15.198.494.778	-	11.456.760.535	-
<b>Tổng</b>	<b>84.254.511.342</b>	<b>-</b>	<b>35.596.838.716</b>	<b>-</b>

(i): Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang một số công trình có giá trị lớn.

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công trình gang thép Thái Nguyên - Giai đoạn 2	11.179.956.078	11.179.956.078
Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn (Gói H&I BOC2)	2.508.444.444	-
Các công trình, dự án khác	1.510.094.256	276.804.457
<b>Tổng:</b>	<b>15.198.494.778</b>	<b>11.456.760.535</b>

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư ngày 01/01/2021	20.491.522.733	287.852.000	10.214.183.306	391.469.881	31.385.027.920
Mua trong kỳ	-	-	920.546.818	-	920.546.818
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.263.042.997)	-	(1.263.042.997)
<b>Số dư ngày 30/6/2021</b>	<b>20.491.522.733</b>	<b>287.852.000</b>	<b>9.871.687.127</b>	<b>391.469.881</b>	<b>31.042.531.741</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư ngày 01/01/2021	16.270.983.859	287.852.000	8.796.313.013	391.469.881	25.746.618.753
Khấu hao trong kỳ	835.051.484	-	271.330.189	-	1.106.381.673
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.263.042.997)	-	(1.263.042.997)
<b>Số dư ngày 30/6/2021</b>	<b>17.106.035.343</b>	<b>287.852.000</b>	<b>7.804.600.205</b>	<b>391.469.881</b>	<b>25.589.957.429</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2021	4.220.538.874	-	1.417.870.293	-	5.638.409.167
Tại ngày 30/6/2021	3.385.487.390	-	2.067.086.922	-	5.452.574.312

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021: 9.607.737.810 VND (tại ngày 01/01/2021: 10.870.807 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Phần mềm quản lý	Hệ thống mạng LAN	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư ngày 01/01/2021	495.720.000	235.000.000	730.720.000
Số dư ngày 30/6/2021	495.720.000	235.000.000	730.720.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư ngày 01/01/2021	495.720.000	235.000.000	730.720.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số dư ngày 30/6/2021	495.720.000	235.000.000	730.720.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư ngày 01/01/2021	-	-	-
Số dư ngày 30/6/2021	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/6/2021: 730.720.000 VND (tại ngày 01/01/2021: 730.720.000 VND).

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn**

**a) Thông tin khoản đầu tư vào Công ty con**

TT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 2	Số 81 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 4	Tổ 5, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	100%	100%
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang	100%	100%
5	Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	100%	100%
6	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	Km11, Quốc lộ 32, Từ Liêm, Hà Nội	52,15%	52,15%
7	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	Km 5 Khu Lâm Sản, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	71,42%	71,42%
8	Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	No 356A đường Hà Nội, phường Phước Long A, quận 9, TP. HCM	51,00%	51,00%
9	Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	Số 156 Xã Đàn 2, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	51,00%	51,00%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	Lầu 06, số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%
11	Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	51,00%	51,00%
12	Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	50,69%	50,69%
13	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

**a) Thông tin khoản đầu tư vào Công ty con (Tiếp theo)**

Đầu tư vào Công ty con	30/6/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	70.000.000.000	-	(*)	70.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	90.000.000.000	-	(*)	90.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	-	-	(*)	-	-	(*)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	10.000.000.000	(10.000.000.000)	(*)	10.000.000.000	(10.000.000.000)	(*)
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	200.000.000.000	(200.000.000.000)	(*)	200.000.000.000	(200.000.000.000)	(*)
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	24.386.208.045	(7.904.432.195)	(*)	24.386.208.045	(7.904.432.195)	(*)
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	4.024.058.696	(4.024.058.696)	(*)	4.024.058.696	(4.024.058.696)	(*)
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	38.035.530.934	-	(*)	38.035.530.934	-	(*)
Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	2.792.888.482	-	(*)	2.792.888.482	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	12.201.283.784	-	(*)	12.201.283.784	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	4.547.145.641	(1.205.722.853)	(*)	4.547.145.641	(1.205.722.853)	(*)
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	15.278.557.273	-	(*)	15.278.557.273	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	2.040.000.000	(2.024.313.156)	(*)	2.040.000.000	(2.024.313.156)	(*)
<b>Tổng:</b>	<b>473.305.672.855</b>	<b>(225.158.526.900)</b>		<b>473.305.672.855</b>	<b>(225.158.526.900)</b>	

**b) Thông tin khoản đầu tư vào Công ty liên kết**

TT	Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	27,37%	27,37%
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	Số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, TP. Hà Nội	36,00%	36,00%
3	Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	Quang Sơn, Đông Hỷ, Thái Nguyên	25,00%	25,00%
4	Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	Vũ Phạm Hàm, Cầu Giấy, Hà Nội	41,18%	41,18%
5	Công ty CP Bê tông ly tâm Vianincon	Thôn Tháp Phan, Đông Lạc, Nam Sách, Hải Dương	20,00%	20,00%
6	Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	Số 5 phố Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	27,99%	27,99%
7	Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon (E & C)	Số 5 phố Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	20,70%	20,70%
8	Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	Tầng 15 tòa nhà TTC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	23,11%	23,11%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

**b) Thông tin khoản đầu tư vào Công ty liên kết (Tiếp theo)**

Đầu tư vào Công ty liên kết	30/6/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	6.634.922.757	-	(*)	6.634.922.757	-	(*)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	14.300.768.318	-	(*)	14.300.768.318	-	(*)
Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	2.730.001.416	-	(*)	2.730.001.416	-	(*)
Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	742.806.389	(481.349.227)	(*)	742.806.389	(481.349.227)	(*)
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	8.010.131.008	(3.910.849.866)	(*)	8.010.131.008	(3.910.849.866)	(*)
Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	2.428.000.000	-	(*)	2.428.000.000	-	(*)
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	6.208.620.000	-	(*)	6.208.620.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	13.208.342.264	-	(*)	13.208.342.264	-	(*)
<b>Tổng</b>	<b>54.263.592.152</b>	<b>(4.392.199.093)</b>		<b>54.263.592.152</b>	<b>(4.392.199.093)</b>	

**c) Thông tin khoản đầu tư vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/6/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Lắp máy và Xây dựng điện Miền Nam	779.612.900	-	(*)	779.612.900	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất công nghiệp	4.123.185.470	-	(*)	4.123.185.470	-	(*)
Công ty CP Đầu tư xây dựng công nghiệp	10.032.000.000	(4.569.250.553)	(*)	10.032.000.000	(4.569.250.553)	(*)
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Công nghiệp dân dụng	899.972.230	-	(*)	899.972.230	-	(*)
Công ty Cổ phần Bao bì Sông Công	2.100.925.000	(43.861.825)	(*)	2.100.925.000	(43.861.825)	(*)
Công ty CP Thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	2.086.292.176	-	(*)	2.086.292.176	-	(*)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả	8.861.055.899	-	(*)	8.861.055.899	-	(*)
<b>Tổng</b>	<b>28.883.043.675</b>	<b>(4.613.112.378)</b>		<b>28.883.043.675</b>	<b>(4.613.112.378)</b>	

(\*) Tổng Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Giá trị quyền sử dụng đất phải nộp theo phương án cổ phần hóa (i)	13.401.220.000	13.401.220.000
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ	257.958.491	308.547.763
<b>Tổng</b>	<b>13.659.178.491</b>	<b>13.709.767.763</b>

- (i) Là quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ phải nộp theo phương án cổ phần hóa Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tổng Công ty vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khoản này đang được ghi nhận là chi phí trả trước tương ứng với khoản phải trả khác (Xem Thuyết minh số 5.17).

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Cấp điện và hệ thống LS - Vina	-	-	94.385.295.610	94.385.295.610
Công ty CP thiết bị công nghiệp Maksteel	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 18	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000	3.452.129.000
Công ty TNHH Thiết bị điện Lioa	21.290.857.348	21.290.857.348	-	-
Công ty CP Tư vấn thiết bị và Dịch vụ kỹ thuật	12.001.413.000	12.001.413.000	-	-
Công ty CP Cơ khí xây lắp Hóa chất	2.614.811.001	2.614.811.001	2.814.811.001	2.814.811.001
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp -CIP	5.381.185.148	5.381.185.148	5.381.185.148	5.381.185.148
Các đối tượng khác	11.481.331.059	11.481.331.059	13.528.939.368	13.528.939.368
<b>Cộng:</b>	<b>63.269.381.556</b>	<b>63.269.381.556</b>	<b>126.610.015.127</b>	<b>126.610.015.127</b>
<i>Trong đó: Phải trả bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>9.776.408.244</i>	<i>9.776.408.244</i>	<i>10.857.275.702</i>	<i>10.857.275.702</i>

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Tín Nghĩa	17.690.000.000	-
Các đối tượng khác có giá trị dưới 10% dư nợ	53.730.000	-
<b>Tổng</b>	<b>17.743.730.000</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

**a) Các khoản phải thu**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Số phát sinh trong kỳ		30/6/2021
	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	825.000.000	-	-	825.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	77.769.221	556.490.540	597.675.449	118.954.130
<b>Tổng</b>	<b>902.769.221</b>	<b>556.490.540</b>	<b>597.675.449</b>	<b>943.954.130</b>

**b) Các khoản phải nộp**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Số phát sinh trong kỳ		30/6/2021
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	6.904.109.866	6.904.109.866	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	665.704.583	665.704.583	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	159.894.748	159.894.748	-
Thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>7.732.709.197</b>	<b>7.732.709.197</b>	<b>-</b>

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình	110.223.349.601	24.601.273.222
- DA Lọc hóa dầu Long Sơn	108.388.271.175	21.694.275.092
- DA tuyến đường sắt Bến Thành - Suối Tiên	-	1.071.601.704
- Dự án, công trình khác	1.835.078.426	1.835.396.426
Chi phí phải trả khác	761.610.485	1.144.928.667
<b>Tổng</b>	<b>110.984.960.086</b>	<b>25.746.201.889</b>

**5.16 Phải trả nội bộ ngắn hạn**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư thiết bị	2.928.889.436	21.314.185.232
<b>Tổng</b>	<b>2.928.889.436</b>	<b>21.314.185.232</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.17 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>29.236.497.408</b>	<b>29.044.100.754</b>
Kinh phí công đoàn	607.301.307	566.999.991
Các khoản phải trả khác	28.629.196.101	28.477.100.763
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất (i)</i>	<i>8.955.861.916</i>	<i>8.955.861.916</i>
<i>Phải nộp về quyền sử dụng đất theo phương án cổ phần hóa (ii)</i>	<i>13.401.220.000</i>	<i>13.401.220.000</i>
<i>Cò tức và lãi vay phải trả nhà đầu tư mua cổ phần lần đầu</i>	<i>1.717.580.985</i>	<i>1.718.340.985</i>
<i>Khoản vay phải trả CBNV</i>	<i>3.422.264.548</i>	<i>3.263.462.938</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>1.132.268.652</i>	<i>1.138.214.924</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>48.000.000</b>	<b>48.000.000</b>
Ký kỹ, ký cược	48.000.000	48.000.000
<b>Tổng</b>	<b>29.284.497.408</b>	<b>29.092.100.754</b>
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>9.035.861.916</i>	<i>9.035.861.916</i>

(i) Phải trả liên quan đến bù đắp cổ phần hóa doanh nghiệp.

(ii) Giá trị quyền sử dụng đất tại số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội phải nộp theo Phương án cổ phần hóa (Xem thuyết minh số 5.11).

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2020	550.000.000.000	185.277.184.929	735.277.184.929
Lợi nhuận trong năm trước	-	13.020.781.097	13.020.781.097
Trích lập các quỹ	-	(2.972.000.000)	(2.972.000.000)
<b>Số dư 31/12/2020</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>195.325.966.026</b>	<b>745.325.966.026</b>
Số dư 01/01/2021	550.000.000.000	195.325.966.026	745.325.966.026
Lợi nhuận trong kỳ	-	12.083.058.090	12.083.058.090
<b>Số dư 30/6/2021</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>207.409.024.116</b>	<b>757.409.024.116</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b) Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bộ Công thương	455.125.000.000	455.125.000.000
Cổ đông khác	94.875.000.000	94.875.000.000
<b>Tổng</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021</b>	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp tại ngày đầu năm	550.000.000.000	550.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối năm	550.000.000.000	550.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.000.000	55.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	55.000.000	55.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55.000.000	55.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.000.000	55.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55.000.000	55.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

30/6/2021  
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
 VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY  
 SỔ QUẢN LÝ CHỨNG CHỈ  
 SỐ QUẢN LÝ CHỨNG CHỈ: 010...  
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
 SỔ QUẢN LÝ CHỨNG CHỈ  
 SỐ QUẢN LÝ CHỨNG CHỈ: 010...



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	256.831.846.550	24.490.752.667
<b>Tổng</b>	<b>256.831.846.550</b>	<b>24.490.752.667</b>
Giảm trừ doanh thu hoạt động xây lắp	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>256.831.846.550</b>	<b>24.490.752.667</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	243.387.776.520	23.271.246.818
<b>Tổng</b>	<b>243.387.776.520</b>	<b>23.271.246.818</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	244.957.740	9.700.722.233
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.475.386.500	9.425.787.000
Chênh lệch tỷ giá	7.879.080	-
<b>Tổng</b>	<b>22.728.223.320</b>	<b>19.126.509.233</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi vay	-	26.701.644
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>26.701.644</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.323.235.155	7.172.184.062
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ quản lý	78.301.271	2.979.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.106.381.673	1.290.272.687
Thuế, phí, lệ phí	37.952.865	32.096.448
Chi phí dự phòng	9.257.739.839	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	978.319.035	776.720.516
Chi phí khác bằng tiền	1.638.278.148	2.678.458.204
<b>Tổng</b>	<b>24.420.207.986</b>	<b>11.952.710.917</b>

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>332.372.726</b>	<b>51.610.000</b>
Thanh lý tài sản cố định	185.236.363	-
Thu nhập khác	147.136.363	51.610.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.400.000</b>	<b>30.531.178</b>
Chi phí khác	1.400.000	30.531.178
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>330.972.726</b>	<b>21.078.822</b>

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	34.152.661.134	-
Chi phí nhân công	11.566.135.155	8.056.618.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.106.381.673	1.290.272.687
Thuế, phí, lệ phí	37.952.865	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.378.319.035	13.914.785.961
Chi phí khác bằng tiền	8.228.120.559	4.730.773.021
<b>Tổng</b>	<b>56.469.570.421</b>	<b>27.992.450.031</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Giao dịch với nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt

*Thù lao, tiền lương của Hội đồng Quản trị*

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
		tháng kết thúc ngày 30/6/2021	tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Hoàng Thế Hiền	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	245.035.000	198.900.000
Ông Nguyễn Thế Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	210.385.000	172.170.000
Ông Hoàng Chí Cường	Thành viên HĐQT	186.354.000	205.344.000
Bà Trần Thị Minh	Thành viên HĐQT	184.764.000	144.642.000
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Thành viên HĐQT	244.640.000	153.052.000
<b>Tổng:</b>		<b>1.071.178.000</b>	<b>874.108.000</b>

*Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát*

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
		tháng kết thúc ngày 30/6/2021	tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng Ban kiểm soát	154.760.000	137.622.000
Ông Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên	129.267.000	93.706.000
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	-	62.110.000
<b>Tổng:</b>		<b>284.027.000</b>	<b>293.438.000</b>

*Tiền lương và thu nhập khác của Ban Giám đốc, Người công bố thông tin*

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
		tháng kết thúc ngày 30/6/2021	tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Tổng Giám đốc	(*)	(*)
Ông Tạ Đăng Tính	Phó Tổng Giám đốc	177.174.000	143.429.000
Bà Trần Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc	(*)	(*)
Lê Đức Thọ	Người công bố thông tin	70.207.000	60.220.000
<b>Tổng:</b>		<b>247.381.000</b>	<b>203.649.000</b>

(\*): Đã trình bày ở phần tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Giao dịch với bên liên quan**

<b>Mua hàng hóa, dịch vụ của</b> <b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Cho kỳ kế toán 6</b>	<b>Cho kỳ kế toán 6</b>
		<b>tháng kết thúc ngày</b> <b>30/6/2021</b>	<b>tháng kết thúc ngày</b> <b>30/6/2020</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Giảm trừ doanh thu	-	(201.189.201)
Công ty CP Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Thuê kho	677.903.760	-
Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng Vật tư thiết bị - TCT Vinaincon	Giá trị thi công xây lắp	60.809.162.519	-

<b>Giao dịch khác với</b> <b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung giao</b>	<b>Cho kỳ kế toán 6</b>	<b>Cho kỳ kế toán 6</b>
		<b>tháng kết thúc ngày</b> <b>30/6/2021</b>	<b>tháng kết thúc ngày</b> <b>30/6/2020</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng	Cổ tức được chia	1.040.000.000	1.560.000.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Cổ tức được chia	1.241.724.000	1.552.155.000
Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	Cho thuê nhà	119.454.545	-
Công ty CP Bê tông Ly tâm An Giang	Cổ tức được chia	6.959.398.500	6.186.132.000
Công ty CP Bê tông Ly tâm Thủ Đức	Cổ tức được chia	13.084.764.000	-
Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế Việt Nam	Cổ tức được chia	-	127.500.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Số dư với các bên liên quan**

Nội dung	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>1. Phải thu khách hàng</b>	<b>362.971.270</b>	<b>362.971.270</b>
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	362.971.270	362.971.270
<b>2. Phải thu khác</b>	<b>373.869.765.324</b>	<b>353.903.091.056</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	319.443.713.417	319.059.494.202
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	6.312.659.850	6.276.760.866
Công ty CP XNK Hợp tác nhân lực Quốc tế Việt Nam	173.100.000	173.100.000
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	161.566.205	161.566.205
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	4.599.051.913	4.560.301.913
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 5	688.500.000	688.500.000
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hoá chất	13.844.892.847	13.844.892.847
Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức	13.084.764.000	-
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	5.412.865.500	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	2.369.166.109	3.114.860.245
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	498.250.586	498.250.586
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	432.000.000	432.000.000
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng	1.040.000.000	-
Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	676.459.818	1.229.500.792
Công ty CP Cơ khí Hồng Nam	862.155.000	862.155.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	2.270.620.079	1.001.708.400
<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<b>4.714.046.331</b>	<b>13.812.529.092</b>
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	4.712.579.331	4.712.579.331
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng	-	8.485.617.811
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	-	592.695.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	-	21.636.950
CN Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất - XN Lắp máy	1.467.000	-
<b>4. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>9.776.408.244</b>	<b>10.857.275.702</b>
Công ty CP Đầu tư và XD công nghiệp	5.805.779	5.805.779
Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	178.052.472	87.282.980
Công ty CP Cơ khí Hồng Nam	789.194.170	789.194.170
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Vinaincon	650.872.390	650.872.390
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	5.381.185.148	5.381.185.148
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hóa chất	2.614.811.001	2.814.811.001
CN Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất - XN Lắp máy	-	50.000.000
Công ty CP Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	156.487.284	1.078.124.234
<b>5. Phải trả khác</b>	<b>9.035.861.916</b>	<b>9.035.861.916</b>
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	8.955.861.916	8.955.861.916
Trung tâm XNK Vật tư kỹ thuật - TCT Vinaincon	80.000.000	80.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu



Trần Ngọc Tâm

Trưởng ban Tài chính Kế toán



Đặng Quang Cường

Tổng Giám đốc



Đỗ Chí Nguyễn

